

HỆ THỐNG BIỂU MẪU
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH

Sở Xây dựng

| STT | Tên biểu | Ký hiệu biểu | Kỳ báo cáo | Ngày nhận báo cáo |
|------------|--|---------------------|-------------------|--------------------------------|
| A | B | C | D | E |
| 1 | Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung | 003f.N/BCS-XHMT | Năm | Ngày 28/02 năm sau năm báo cáo |

A. BIỂU MẪU

Biểu số: 003f.N/BCS-XHMT
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28/02 năm sau năm báo
cáo

**TỶ LỆ DÂN SỐ ĐÔ THỊ ĐƯỢC CẤP NƯỚC
SẠCH QUA HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẬP
TRUNG**

Đơn vị báo cáo:
Sở Xây dựng
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê

Năm

| STT | | Mã số | Dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (Người) | Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%) |
|-----|---|-------|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 |
| | Tổng số | | | |
| | Chia theo huyện/thị xã | | | |
| | <i>(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)</i> | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

..., Ngày... tháng...năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHẦN II

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI BIỂU MẪU THU THẬP HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH

B. GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 003f.N/BCS-XHMT: TỶ LỆ DÂN SỐ ĐÔ THỊ ĐƯỢC CẤP NƯỚC SẠCH QUA HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẬP TRUNG

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch là phần trăm dân số sống ở khu vực đô thị được cung cấp nước sạch trong tổng số dân sống ở khu vực đô thị.

b) Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch (\%)} = \frac{\text{Dân số đô thị được cung cấp nước sạch}}{\text{Tổng dân số khu vực đô thị}} \times 100$$

Nước sạch là nước máy được sản xuất từ các nhà máy xử lý nước và cung cấp cho người dân, đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Xây dựng.

Dân số thành thị là dân số sống ở các đô thị từ loại 5 đến loại đặc biệt.

2. Cách ghi biểu

Cột B: Ghi chỉ tiêu dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung chia theo quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cột 1: Ghi số dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

Cột 2: Ghi tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Sở Xây dựng.

Biểu số: 003f.N/BCS-XHMT
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28/02 năm sau năm báo
cáo

**TỶ LỆ DÂN SỐ ĐÔ THỊ ĐƯỢC CẤP NƯỚC
SẠCH QUA HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẬP
TRUNG**

Đơn vị báo cáo:
Sở Xây dựng
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê

Năm

| STT | | Mã số | Dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (Người) | Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%) |
|-----|---|-------|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 |
| | Tổng số | | | |
| | Chia theo huyện/thị xã | | | |
| | <i>(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)</i> | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày... tháng...năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 003f.N/BCS-XHMT: TỶ LỆ DÂN SỐ ĐÔ THỊ ĐƯỢC CẤP NƯỚC SẠCH QUA HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẬP TRUNG

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch là phần trăm dân số sống ở khu vực đô thị được cung cấp nước sạch trong tổng số dân sống ở khu vực đô thị.

b) Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch (\%)} = \frac{\text{Dân số đô thị được cung cấp nước sạch}}{\text{Tổng dân số khu vực đô thị}} \times 100$$

Nước sạch là nước máy được sản xuất từ các nhà máy xử lý nước và cung cấp cho người dân, đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Xây dựng.

Dân số thành thị là dân số sống ở các đô thị từ loại 5 đến loại đặc biệt.

2. Cách ghi biểu

Cột B: Ghi chỉ tiêu dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung chia theo quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cột 1: Ghi số dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

Cột 2: Ghi tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Sở Xây dựng.